

Tên đơn vị: Trường MN Cẩm Sơn 1
Chương: 622, Loại: 070, Khoản: 071
Mã ĐVQHNS: 1080767

BẢNG THANH TOÁN TIỀN CÔNG NHÂN VIÊN NẤU ĂN
Tháng 05 năm 2025

TT	Họ và tên	Nhiệm vụ	Mã số tài khoản	Ngân hàng	Mức lương khoán đối với người LĐ đã qua đào tạo	Số ngày công/tháng	Tiền lương những ngày nghỉ việc		Các khoản trừ tiền đóng Bảo hiểm			Người SDLĐ đóng 21,5%	Tổng BH	Tổng tiền lương thực lĩnh	Ghi chú
							Số ngày	Số tiền	BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9						10	
1	Trần Thị Hào	Nhân viên nấu ăn	4410246640	BIDV	4.757.000	20	0	0	380.861	71.400	47.600	1.022.800	1.522.661	4.257.139	
2	Đinh Thị Hường	Nhân viên nấu ăn	4410648954	BIDV	4.757.000	20	0	0	380.861	71.400	47.600	1.022.800	1.522.661	4.257.139	
3	Nguyễn Thị Mỹ	Nhân viên nấu ăn	4410709763	BIDV	4.757.000	20	0	0	380.861	71.400	47.600	1.022.800	1.522.661	4.257.139	
4	Tô Thị Duy Hồng	Nhân viên nấu ăn	4411013704	BIDV	4.757.000	20	0	0	380.861	71.400	47.600	1.022.800	1.522.661	4.257.139	
	Tổng						0	0	1.523.444	285.600	190.400	4.091.200	6.090.644	17.028.556	

NGƯỜI LẬP



Mai Thị Thanh Nga

KẾ TOÁN



Mai Thị Thanh Nga

Cẩm Sơn, ngày 03 tháng 06 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
TRƯỜNG MẦM NON CẨM SƠN 1
Phạm Thị Đinh

DANH SÁCH CHI TIỀN CHO CÔNG TÁC QUẢN LÝ BÁN TRÚ
Tháng 05 năm 2025

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ	Số tài khoản	Số thu theo dự toán đầu năm	Số thu thực tế	Đạt tỷ lệ thu (%)	Tiền kiêm nhiệm theo dự toán	Tiền kiêm nhiệm theo thực tế	Số ngày làm/tháng	Tổng lĩnh
I	Chi cho công tác quản lý bán trú									5.237.918
1	Phạm Thị Đinh	Hiệu trưởng	4410229775	32.409.184	34.580.000	107	1.134.000	1.134.000	11	1.134.000
2	Lê Thị Oanh	P.Hiệu trưởng	4411306024	32.409.184	34.580.000	107	1.017.000	1.017.000	11	1.017.000
3	Trần Hải Ngọc	P.Hiệu trưởng	4410642594	32.409.184	34.580.000	107	905.000	905.000	12	905.000
4	Nguyễn Thanh Mai	Thủ quỹ, tổng hợp	4410661191	32.409.184	34.580.000	107	748.000	748.000	17	748.000
5	Lê Ngọc Anh Thư	Y tế	4410640561	32.409.184	34.580.000	107	635.000	635.000	13	643.918
6	Mai Thị Thanh Nga	Kế toán	4410992192	32.409.184	34.580.000	107	790.000	790.000	17	790.000
STT	Họ và tên	Nhiệm vụ	Số tài khoản	Tổng tiền theo TT (82%)	Số tiền kiêm nhiệm theo dự toán	Đạt tỷ lệ thu (%)	Số tiền kiêm nhiệm theo TT	Tổng số ngày làm việc	Số công nghỉ	Tổng lĩnh
II	Chi cho phục vụ trông trưa bán trú				68.000			380	-	25.460.000
1	Trịnh Thị Nguyệt	Giáo viên	4410329213	28.355.600	1.340.000	107	1.340.000	20		1.340.000
2	Trần Thị Mai Anh	Giáo viên	4410396031	28.355.600	1.340.000	107	1.340.000	20		1.340.000
3	Phan Thị Lệ Thủy	Giáo viên	4410244352	28.355.600	1.340.000	107	1.340.000	20		1.340.000
4	Phạm Thị Thu Hương	Giáo viên	4410244389	28.355.600	1.340.000	107	1.340.000	20		1.340.000
5	Lê Thị Hằng	Giáo viên	4410244291	28.355.600	1.340.000	107	1.340.000	20		1.340.000
6	Phạm Thị Hợi	Giáo viên	4410244404	28.355.600	1.340.000	107	1.340.000	20		1.340.000
7	Lương Thị Bích Hải	Giáo viên	4410244343	28.355.600	1.340.000	107	1.340.000	20		1.340.000
8	Lê Thị Như Quỳnh	Giáo viên	4410243128	28.355.600	1.340.000	107	1.340.000	20		1.340.000

9	Vũ Thúy Hằng	Giáo viên	4410488415	28.355.600	1.340.000	107	1.340.000	20		1.340.000
10	Phạm Thị Nga	Giáo viên	4410329222	28.355.600	1.340.000	107	1.340.000	20		1.340.000
11	Nguyễn Thùy Linh	Giáo viên	4410453051	28.355.600	1.340.000	107	1.340.000	20		1.340.000
12	Nguyễn Thị Nhân	Giáo viên	4410642716	28.355.600	1.340.000	107	1.340.000	20		1.340.000
13	Mai Thị Bích Ngọc	Giáo viên	4410227177	28.355.600	1.340.000	107	1.340.000	20		1.340.000
14	Nguyễn Thị Huệ	Giáo viên	4410709781	28.355.600	1.340.000	107	1.340.000	20		1.340.000
15	Vũ Thị Nga	Giáo viên	4410530459	28.355.600	1.340.000	107	1.340.000	20		1.340.000
16	Đỗ Thị Mùi	Giáo viên	4410860907	28.355.600	1.340.000	107	1.340.000	20		1.340.000
17	Tô Thị Ngọc Mai	Giáo viên	4411061846	28.355.600	1.340.000	107	1.340.000	20		1.340.000
18	Vũ Thanh Thủy	Giáo viên	4411349083	28.355.600	1.340.000	107	1.340.000	20		1.340.000
19	Trương Ngọc Mai	Giáo viên	4411345939	28.355.600	1.340.000	107	1.340.000	20		1.340.000
	Tổng cộng									30.697.918

KẾ TOÁN



Mai Thị Thanh Nga

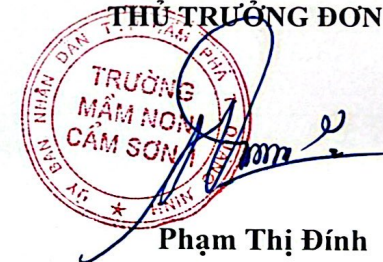
CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



Lương Thị Bích Hải

Cẩm Phà, ngày 03 tháng 06 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Phạm Thị Đinh

UBND THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TRƯỜNG MẦM NON CẨM SƠN 1

BẢNG THANH TOÁN TIỀN QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN NẤU ĂN CHO TRẺ HỌC THỨ 7
Tháng 05 năm 2025

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ	Số tài khoản	Số thu theo dự toán đầu năm	Số thu thực tế	Đạt tỷ lệ thu (%)	Tiền kiêm nhiệm theo dự toán	Tiền kiêm nhiệm theo thực tế	Số giờ làm/tháng	Tổng lĩnh
I	Chi cho công tác quản lý bán trú									3.505.500
1	Phạm Thị Đinh	Hiệu trưởng	4410229775	18.086.122	11.880.000	66	1.375.200	903.300	8	766.300
2	Lê Thị Oanh	P.Hiệu trưởng	4411306024	18.086.122	11.880.000	66	1.232.800	809.800	8	672.800
3	Trần Hải Ngọc	P.Hiệu trưởng	4410642594	18.086.122	11.880.000	66	1.131.300	743.100	9	606.100
4	Nguyễn Thanh Mai	Thủ quỹ, TH	4410661191	18.086.122	11.880.000	66	1.027.600	675.000	14	538.000
5	Lê Ngọc Anh Thư	Y tế	4410640561	18.086.122	11.880.000	66	814.000	534.700	10	397.500
6	Mai Thị Thanh Nga	Kế toán	4410992192	18.086.122	11.880.000	66	1.007.500	661.800	13	524.800
STT	Họ và tên	Nhiệm vụ	Số tài khoản	Tổng thu theo TT	Tiền kiêm nhiệm theo dự toán	Tiền kiêm nhiệm theo thực tế	Số giờ/ngày	Số ngày làm	Tổng số giờ/tháng	Tổng lĩnh
II	Chi cho giáo viên dạy							20	160	8.588.000
1	Nguyễn Thị Huệ	Giáo viên	4410709781	11.880.000	87.000	57.100	8,0	5	40,0	2.147.000
2	Tô Thị Ngọc Mai	Giáo viên	4411061846	11.880.000	87.000	57.100	8,0	5	40,0	2.147.000
3	Đỗ Thị Mùi	Giáo viên	4410860907	11.880.000	87.000	57.100	8,0	5	40,0	2.147.000
4	Vũ Thanh Thùy	Giáo viên	4411349083	11.880.000	87.000	57.100	8,0	5	40,0	2.147.000

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ	Số tài khoản	Số thu theo dự toán đầu năm	Số thu thực tế	Đạt tỷ lệ thu (%)	Tiền kiêm nhiệm theo dự toán	Tiền kiêm nhiệm theo thực tế	Số ngày làm/tháng	Tổng lĩnh
III	Chi cho nhân viên nấu ăn									660.000
1	Trần Thị Hảo	Nấu ăn	4410246640	980.000	660.000	67	196.000	132.000	5,0	660.000

Kế toán



Mai Thị Thanh Nga

CTCĐ



Lương Thị Bích Hải

Cẩm phả, ngày 03 tháng 6 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Thị Đinh